

3. Chọn và khoanh tròn từ không cùng nhóm với các từ còn lại.

<Mẫu>

냉면

손님

비빔밥

된장찌개

- | | | | | |
|-----|-----|----|-----|-----|
| (1) | 맵다 | 시다 | 크다 | 짜다 |
| (2) | 물 | 컵 | 차 | 우유 |
| (3) | 공무원 | 병원 | 종업원 | 회사원 |
| (4) | 김치 | 아침 | 저녁 | 점심 |

4. Chọn câu hỏi điền vào chỗ trống.

냉면이 싱거워요? 뭐가 맛있어요? 뭐가 매워요? 불고기가 달아요?

- (1) A _____
B 비빔밥이 맛있어요.
- (2) A _____
B 김치가 매워요.
- (3) A _____
B 아니요, 안 달아요.
- (4) A _____
B 네, 냉면이 싱거워요.